



piāo dàng

飘荡

verb · drift; float

Example Sentences

Shù yè zài shuǐ miàn shàng piāo dàng

树叶在水面上飘荡。

Leaves are drifting on the water surface.

Gē shēng zài yè kōng zhōng piāo dàng , ràng rén gǎn dào níng jìng

歌声在夜空中飘荡，让人感到宁静。

The singing drifted in the night sky, making people feel peaceful.

Trace each character, then write the word on your own.

飘	飘	飘	飘	飘	飘	飘	飘	飘	飘	飘
飘	飘	飘	飘	飘	飘	飘				

荡	荡	荡	荡	荡	荡	荡	荡	荡	荡	荡
荡										

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--